

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2023/DS - PT
Ngày : 06 - 3 - 2023
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lại Văn Tùng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Ông Nguyễn Đức Cảnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Lan Anh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Trọng Dân – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 73/2022/TLPT-DS ngày 02-11-2022 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Nam T bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2023/QĐXX-PT ngày 02 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Minh L, sinh năm 1950; địa chỉ: Xóm 8, thôn Đồng Q, xã Nam T, huyện Nam T, tỉnh Nam Định;

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị Mai H, sinh năm 1949; địa chỉ: Số nhà 73, đường Vũ Hữu L, phường Cửa N, TP Nam Định, tỉnh Nam Định;

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1935; địa chỉ: Nhà số 883, Trường C, phường Tây T, quận Tân P, TP Hồ Chí M;

2. Ông Nguyễn Thế B, sinh năm 1949; địa chỉ: Số nhà 73, đường Vũ Hữu L, phường Cửa N, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định (là chồng bà Đỗ Thị Mai H);

3. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1955; Địa chỉ: Xóm 8, thôn Đồng Q, xã Nam T, huyện Nam T, tỉnh Nam Định (là vợ ông Đỗ Minh L);

- *Người kháng cáo:* Bà Đỗ Thị Mai H là bị đơn, bà Nguyễn Thị Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại phiên tòa: Ông Đỗ Minh L, bà Đỗ Thị Mai H và bà Nguyễn Thị N có mặt. Bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Thế B vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 03 năm 2021, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đỗ Minh L trình bày:

Vợ chồng cụ Đỗ Văn C (chết năm 1990) và cụ Nguyễn Thị T (chết năm 2009) sinh được một người con là bà Đỗ Thị Mai H. Năm 1954, hai cụ nhận ông Đỗ Minh L, khi đó được 4 tuổi về nuôi, khi trưởng thành ông L đi bộ đội và được hai cụ cưới vợ xây dựng gia đình.

Khi còn sống hai cụ C và cụ T tạo dựng được khối tài sản là diện tích 540 m² (trong đó có 300 m² đất ở và 240 m² đất ao), tại thửa số 84, tờ bản đồ số 20, thôn Đồng Q, xã Nam T, huyện Nam T, tỉnh Nam Định. Diện tích đất trên đã được UBND huyện Nam Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Đỗ Thị C vào ngày 25-9-1995 và 01 bể nước. Ngoài ra 01 nhà cấp 4 (nhà tình nghĩa) được nhà nước tặng cho cụ T năm 2006.

Năm 1986, được sự đồng ý của cụ C và cụ T, vợ chồng ông đã xây dựng nhà trên phần đất phía tây của thửa đất. Năm 1990, cụ C chết, có viết di chúc để lại cho ông, bà H mỗi người ½ đất ở, còn về đất ao ông được sử dụng một phần phía Tây, ranh giới đến mép bể nước phía Tây, phần ao còn lại giao cho cụ T sử dụng. Năm 1996, ông tiếp tục xây thêm 01 một nhà mái bằng bên cạnh nhà đã xây và giáp với nhà cấp 4 của cụ C (trên phần đất mà cụ C đã viết di chúc để lại cho ông). Năm 2004, ông tiếp tục xây nhà 02 tầng trên một phần đất ao do ông đã vượt lập. Đất ở và đất ao ông xây dựng đều nằm trong diện tích đất mà cụ C viết di chúc để lại cho ông.

Tháng 02 năm 2021, ông mới biết được toàn bộ diện tích 540 m², tại thửa số 84, tờ bản đồ số 20, thôn Đồng Q xã Nam T, huyện Nam T, tỉnh Nam Định của cụ C và cụ T, được Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Nam Định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho bà Đỗ Thị Mai H.

Nay ông yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Đỗ Văn C và cụ Nguyễn Thị T là diện tích đất 540 m² tại thửa số 84, tờ bản đồ số 20, thôn Đồng Q, xã Nam T, huyện Nam T, tỉnh Nam Định, 01 bể nước và 01 nhà cấp 4 theo di chúc và theo pháp luật. Ông xin nhận bằng hiện vật là diện tích 150 m² đất ở và toàn bộ diện tích đất ao 240 m² và đề nghị Sở Tài nguyên & Môi trường, tỉnh Nam Định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 521495 ngày 31-10-2016 đối với thửa đất số 84, tờ bản đồ số 20, thôn Đồng Q, xã Nam T, huyện Nam T, tỉnh Nam Định đã cấp cho bà Đỗ Thị Mai H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không thừa nhận bản di chúc, lập năm 1995 là của cụ T và “ Giấy giao đất “ ngày 14-4-1996, do bà H xuất trình, vì chữ viết trong bản di chúc không phải của cụ T, cụ T không biết chữ. Ông không có yêu cầu gì khác đối với bản di chúc này.

* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Đỗ Thị Mai H trình bày: Thống nhất với ông Đỗ Minh L về năm cụ C và cụ T chết và tài sản để lại diện tích 540 m² (trong đó có 300 m² đất ở và 240 m² đất ao), tại thửa số 84, tờ bản đồ số 20, thôn Đồng Q, xã Nam T, huyện Nam T, tỉnh Nam Định, 01 nhà cấp 4 (nhà tình nghĩa) và 01 bể nước. Cụ C có lập di chúc ngày 02-9-1990, cụ T có biết có và có đứng ra giao đất theo di chúc cho ông L làm nhà.

Cụ C và cụ T có 1 con đẻ là bà (Đỗ Thị Mai H) và có một con nuôi là bà Nguyễn Thị Đ. Ông L tuy được bố mẹ bà nhận nuôi từ nhỏ nhưng chỉ gọi là cháu, không phải là con nuôi.

Di chúc do cụ C lập ngày 02-9-1990, theo bà là đất ở chia đôi cho mỗi người một nửa, ông L được sử dụng 198 m² và bà được sử dụng 207 m², kéo dài hết đất ao theo ranh giới đất ở. Phần đất ao còn lại là bà được hưởng toàn bộ vì bà là con đẻ duy nhất của cụ C và cụ T. Ngoài ra có 01 bản di chúc (bản gốc) lập năm 1995 (không ghi ngày, tháng) của cụ Nguyễn Thị T và 01 “Giấy giao đất ở” ngày 14-4-1996. Bản di chúc trên do cụ T đưa cho bà năm 1995, chữ viết trong bản di chúc tuy không phải của cụ T nhưng còn chữ ký và điểm chỉ theo bà là của cụ T. Nội dung bản di chúc của cụ T là để lại diện tích ao của cụ T được giao trong bản di chúc ngày 02-9-1990 cho bà sử dụng.

* Bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Cụ C và cụ T chỉ có 01 con đẻ là bà (Đỗ Thị Mai H) và 01 con nuôi là bà (Nguyễn Thị Đ).

Cụ C và cụ T chết di sản để lại như ông L, bà H trình bày là đúng. Đối với diện tích đất ở 300 m², bà không có yêu cầu đề nghị gì. Đối với di sản là 240 m² đất ao, đề nghị chia và xin được nhận sử dụng 120 m², còn 120 m² nhất trí cho bà H sử dụng.

* Bản án sơ thẩm số 15/2022/DS – ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Nam T đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh về thừa kế; Điều 649, Điều 653, Điều 655, Điều 656, Điều 658 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 663, Điều 668, Điều 667, Điều 674, Điều 675, Điều 676 Điều 684, Điều 685 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 649, Điều 650, Điều 651 và Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 167 và Điều 179 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH về án phí lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Đỗ Minh L.

1.1. Chia cho ông Đỗ Minh L được sử dụng phần đất có diện tích 249 m² (trong đó đất ở 145 m² và đất ao là 104 m²), thuộc thửa số 84, tờ bản đồ số 20, thôn Đồng Q, xã Nam T, huyện Nam T, tỉnh Nam Định. Có vị trí phía Bắc giáp đất bà

Loan dài 09 m, phía Nam giáp đường dài 11,3 m, phía Tây giáp đất ông Học dài 25,5 m, phía Đông giáp phần đất bà H dài 27,9 m.

1.2. Chia cho bà Đỗ Thị Mai H được sử dụng diện tích đất 259 m² (trong đó đất ở 155 m² và đất ao 104 m²), thuộc thửa số 84, tờ bản đồ số 20, thôn Đồng Q, xã Nam T, huyện Nam T, tỉnh Nam Định. Có vị trí phía Bắc giáp đất ông Hy dài 09 m, phía Nam giáp đường dài 9,2 m, phía Tây giáp đất ông L dài 27,9 m, phía Đông giáp đường dọc xóm dài 29,3 m.

(Kèm theo bản án có sơ đồ quyền sử dụng đất của ông Đỗ Minh L và bà Đỗ Thị Mai H thửa số 84, tờ bản đồ số 20, thôn Đồng Q xã Nam T, huyện Nam T, tỉnh Nam Định)

2. Bà Đỗ Thị Mai H có trách nhiệm thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền là 90.441.000đ (chín mươi bốn trăm bốn mươi một nghìn đồng) và cho ông Đỗ Minh L số tiền là 77.441.000đ (bảy mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi một nghìn đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Kiến nghị Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 521495 ngày 31-10-2016 đối với thửa đất số 84, tờ bản đồ số 20, thôn Đồng Q, xã Nam T, huyện Nam T, tỉnh Nam Định đã cấp cho bà Đỗ Thị Mai H.

4. Ông Đỗ Minh L và bà Đỗ Thị Mai H có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo và biện pháp thi hành án của các đương sự.

* Tại đơn kháng cáo ngày 31-8-2022 của bà Đỗ Thị Mai H với nội dung, bà H không nhất trí với nội dung bản án sơ thẩm số 15/2022/DS – ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 về việc tranh chấp thừa kế tài sản của Tòa án nhân dân huyện Nam T đã xét xử sơ thẩm.

* Tại đơn kháng cáo ngày 10-9-2022 của bà Nguyễn Thị Đ với nội dung, bà Đ năm nay 87 tuổi (lớn tuổi nhất) phải đóng án phí 4.522.000đ, bản án này chưa thấu tình đạt lý, phiên diện, các chứng cứ không đầy đủ, không chính xác, không khách quan, đã thiên về các chứng cứ của nguyên đơn nhằm chống lại chứng cứ do bà và bà H đưa ra để xác định ông L là con nuôi của bố mẹ bà, so sánh các bản di chúc là không đúng với thực tế. Việc phân chia tài sản thừa kế không công bằng, bà đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định huỷ bản án sơ thẩm thay đổi thẩm phán, điều tra lại đánh giá chứng cứ cho khách quan đúng bản chất của vụ án.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Đỗ Minh L vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại cấp sơ thẩm, không chấp nhận lý do kháng cáo của bà H, bà Đ đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết giữ nguyên như bản án sơ thẩm. Bà Đỗ Thị Mai H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại cấp sơ thẩm, yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì thấy rằng di sản của cụ Đỗ Văn C và cụ Nguyễn Thị T để lại gồm: Thửa đất số 84, tờ bản đồ số 20, thôn Đồng Q, xã Nam T, huyện Nam T, tỉnh Nam Định, diện tích 540 m² (trong đó có 300 m² đất ở và 240 m² đất ao), đã được UBND huyện Nam Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Đỗ Thị C vào ngày 25-9-1995 và 01 bể nước. Ngoài ra 01 nhà cấp 4 (nhà tình nghĩa) được nhà nước tặng cho cụ T năm 2006. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định chia cho ông Đỗ Minh L được quyền sử dụng 249 m² (trong đó đất ở 145 m² và đất ao là 104 m²), bà Đỗ Thị Mai H được quyền sử dụng 259 m² (trong đó đất ở 155 m² và đất ao 104 m²) là có cơ sở, đảm bảo đúng pháp luật. Vì vậy, kháng cáo của bà H, bà Đ về phần nội dung vụ án là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 sửa bản án sơ thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đ về phần án phí dân sự sơ thẩm. Bà Đ sinh năm 1935 là người cao tuổi nên có căn cứ để miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đ. Về án phí phúc thẩm đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bà Đỗ Thị Mai H, bà Nguyễn Thị Đ, làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Thế B vắng mặt tại phiên tòa nhưng bà Nguyễn Thị Đ có đơn xin giải quyết vắng mặt, ông Nguyễn Thế B có giấy uỷ quyền cho bà Đỗ Thị Mai H đến khi giải quyết xong vụ án nên việc vắng mặt của bà Đ, ông B tại phiên tòa phúc thẩm không ảnh hưởng đến việc xét xử của vụ án. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[3] Xét về nội dung kháng cáo của bà Đỗ Thị Mai H, bà Nguyễn Thị Đ kháng cáo bản án sơ thẩm số 15/2022/DS – ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 về việc

tranh chấp thừa kế tài sản của Tòa án nhân dân huyện Nam T thấy rằng: Về di sản thừa kế căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25-4-1995, do UBND huyện Nam Ninh (nay là huyện Nam T) đã cấp cho hộ cụ Đỗ Thị C và lời trình bày thống nhất của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thì có cơ sở xác định khi cụ C và cụ T chết, di sản để lại gồm có: Diện tích 540 m² (trong đó có 300 m² đất ở và 240 m² đất ao), tại thửa số 84, tờ bản đồ số 20, thôn Đồng Q xã Nam T, huyện Nam T, tỉnh Nam Định, 01 nhà cấp 4 và 01 bể nước. Ông L, bà H đều thừa nhận khi làm đường dong xóm có lấy vào diện tích đất ao nên diện tích đất ao không đủ so với giấy chứng nhận đã cấp đối với thửa đất trên. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20-7-2021, diện tích đất ao còn là 208 m², nên diện tích đất ao này được xác định là di sản thừa kế của cụ C và Cụ T. Như vậy di sản của Cụ C và cụ T sau khi chết để lại gồm có: 508 m² (trong đó có 300 m² đất ở và 208 m² đất ao), 01 nhà cấp 4 và 01 bể nước, theo biên bản định giá ngày 20-7-2021 có tổng trị giá là: 2.531.323.936đ.

[4] Về hiệu lực của di chúc: Tại phiên tòa sơ thẩm bà Đỗ Thị Mai H xuất trình bản di chúc lập năm 1995 (không có ngày, tháng), nội dung để lại phần ao của cụ T được chia trong di chúc của cụ C và cụ T ngày 02-9-1990 cho bà H sử dụng. Ông L, bà H đều thừa nhận chữ viết trong di chúc không phải của cụ T. Di chúc lập không ghi ngày, tháng, không có người làm chứng, không có chứng nhận, chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nên theo quy định tại Điều 649, Điều 653, Điều 655, Điều 656, Điều 658 Bộ luật Dân sự năm 1995, di chúc lập năm 1995 của cụ T là không hợp pháp. Năm 1990, cụ C chết có lập di chúc “ văn bản trao quyền đất ở cho con cháu ” đề ngày 02-9-1990, do cụ C viết, có nội dung cụ C và cụ T để lại cho ông L, bà H mỗi người phần ½ đất ở, đất ao ông L được sử dụng một phần phía Tây, ranh giới đến đầu bể nước phía Tây, phần đất ao còn lại giao cho cụ T sử dụng. Trong di chúc tuy cụ T không ký hay điểm chỉ ở phần dưới di chúc cùng với cụ C nhưng nội dung di chúc thể hiện ý chí của cụ C và cụ T, điều này ông L và bà H đều thừa nhận cụ T có biết và là người sau này giao phần đất theo di chúc cho ông L làm nhà. Trong các năm 1986, năm 1996 và năm 2004 ông L đã xây dựng công trình trên đất ở và đất ao ông vượt lập (phần đất được hưởng theo di chúc), cụ T đều biết và cho đến khi cụ T chết năm 2009, cũng không có ý kiến gì. Như vậy, nội dung di chúc cụ do cụ C viết định đoạt tài sản thuộc quyền sử dụng chung hợp nhất của cụ C và cụ T, được tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân, có sự đồng ý của đồng sở hữu là cụ T, nên di chúc ngày 02-9-1990 của cụ C và cụ T là hợp pháp phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và Điều 663 Bộ luật Dân sự năm 2005. Theo quy định tại Điều 668; Điều 684, Điều 685 và Điều 675 Bộ luật Dân sự năm 2005, di chúc ngày 02-9-1990 có hiệu lực nên di sản của cụ C và cụ T được chia theo di chúc, phần di sản không có di chúc được chia theo pháp luật. Theo di chúc của cụ C lập ngày 02-9-1990, để lại cho ông L, bà H mỗi người ½ phần đất ở, còn về đất ao ông L được sử dụng một phần phía Tây, ranh giới đến đầu bể nước phía Tây, phần đất ao còn lại giao cho cụ T sử dụng, tại thửa số 84, tờ bản đồ số 20, thôn Đồng Q, xã Nam T, huyện Nam T,

tỉnh Nam Định và theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá ngày 20-7-2021, thì ông Đỗ Minh L được hưởng 150 m² đất ở và 80 m² đất ao, có trị giá là: $(150 \text{ m}^2 \times 7.000.000\text{đ}) + (80 \text{ m}^2 \times 2.000.000\text{đ}) = 1.210.000.000\text{đ}$; bà Đỗ Thị Mai H được hưởng 150 m² đất ở có trị giá là: $(150 \text{ m}^2 \times 7.000.000\text{đ}) = 1.050.000.000\text{đ}$.

[5] Chia di sản thừa kế theo pháp luật: Di sản thừa kế của cụ C và cụ T được chia theo pháp luật gồm phần di sản để lại không có di chúc. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản ngày 20-7-2021, bao gồm và có trị giá như sau: Diện tích 128 m² đất ao (tại thửa số 84, tờ bản đồ số 20, thôn Đồng Q xã Nam T, huyện Nam T) có trị giá là $(128 \text{ m}^2 \times 2.000.000\text{đ}) = 256.000.000\text{đ}$, 01 nhà cấp 4 có trị giá là 14.686.650đ và 01 bể nước có trị giá là 637.286đ. Tổng trị giá di sản chia theo pháp luật là: 271.323.936đ.

[6] Về hàng thừa kế: Trong quá trình giải quyết vụ án bà H, ông L và bà Đ đều thống nhận xác định bà H là con đẻ và bà Đ là con nuôi của cụ C và cụ T. Bà H và bà Đ không thừa nhận ông L là con nuôi của cụ C và cụ T. Tuy nhiên trên cơ sở lời khai của các bên đương sự, các tài liệu do ông L cung cấp thì có căn cứ xác định: Năm 1956, Cụ C và cụ T có nhận ông Đỗ Minh L về nuôi dưỡng (là cháu gọi bằng chú) lúc đó ông L còn nhỏ, cho đi học, chăm sóc như con đẻ cho đến khi ông L trưởng thành, đi bộ đội rồi về ở cùng với cụ C và cụ T, được 02 cụ tổ chức cưới vợ, xây dựng gia đình. Cụ C và cụ T già yếu, gia đình ông L quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng và khi các cụ mất lo tang lễ và để tang như một người con đối với bố mẹ. Trong bản sơ yếu lý lịch đảng viên ngày 15-7-1975, cụ C có khai là có 03 con (01 con đẻ và 02 con nuôi) là Nguyễn Thị Đ, Đỗ Thị Mai H và Đỗ Minh L. Cụ C và cụ T khi nhận nuôi ông L và bà Đ đều là cháu họ, tuy không lập thành văn bản và cũng không làm thủ tục nhận nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật nhưng việc nhận nuôi có gia đình, họ hàng, làng xóm đều biết. Do vậy, có cơ sở để xác định ông Đỗ Minh L và bà Nguyễn Thị Đ là con nuôi thực tế của cụ C và cụ T. Như vậy hàng thừa kế thứ nhất của cụ C và cụ T có 3 kỷ phần gồm: Bà Đỗ Thị Mai H, ông Đỗ Minh L và bà Nguyễn Thị Đ. Trị giá mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng là: $271.323.936\text{đ} : 3 = 90.441.312\text{đ}$. Như vậy di sản của cụ C và cụ T chia theo di chúc và pháp luật mỗi người thừa kế được hưởng như sau: Bà Nguyễn Thị Đ được hưởng phần di sản chia theo pháp luật có trị giá là: 90.441.312đ. Bà Đỗ Thị Mai H được hưởng phần di sản chia theo di chúc và theo pháp luật có trị giá: $(1.050.000.000\text{đ} + 90.441.312\text{đ}) = 1.140.441.312\text{đ}$. Ông Đỗ Minh L được hưởng phần di sản chia theo di chúc và theo pháp luật có trị giá: $(1.210.000.000\text{đ} + 90.441.312\text{đ}) = 1.300.441.312\text{đ}$.

[7] Về chia bằng hiện vật: Ông Đỗ Minh L, bà Đỗ Thị Mai H và bà Nguyễn Thị Đ đều có nguyện vọng nhận bằng hiện vật theo giá trị phần di sản sản được chia. Tuy nhiên căn cứ vào thực tế sử dụng đất và để bảo đảm giá trị công trình xây dựng trên đất nên chia cho ông L và bà H phần đất ở thực tế đang sử dụng và đã xây dựng công trình trên đất. Bà H có trách nhiệm thanh toán chênh

lệch giá trị tài sản cho ông Đỗ Minh L và bà Nguyễn Thị Đ là phù hợp. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 20-7-2021, diện tích đất chia cho ông L, bà H và được sở hữu tài sản trên đất cụ thể như sau: Bà H sử dụng diện tích 155 m² đất ở, 104 m² đất ao và được sở hữu 01 nhà cấp 4 và 01 bể nước trên đất, có tổng trị giá là 1.308.323.936đ. Ông L sử dụng diện tích đất ở là 145 m² đất ở và 104 m² đất ao có, tổng trị giá là 1.223.000.000đ. Cân đối giá trị tài sản được chia và tài sản được nhận trên thực tế thì bà Đỗ Thị Mai H phải có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho ông Đỗ Minh L số tiền là 77.441.312đ và phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền là 90.441.312đ là phù hợp.

[8] Ông Đỗ Minh L đề nghị Sở Tài nguyên & Môi trường, tỉnh Nam Định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 521495 ngày 31-10-2016 đối với thửa đất số 84, tờ bản đồ số 20, thôn Đồng Q, xã Nam T, huyện Nam T, tỉnh Nam Định đã cấp cho bà Đỗ Thị Mai H là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, bà H đã tự ý đi kê khai đăng ký chuyển quyền sử dụng đất từ tên hộ Đỗ Thị C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng vào ngày 25-9-1995 sang cho bà H mà chưa có ý kiến của các đồng thừa kế khác là trái với nội dung của bản di chúc lập ngày 02-9-1990 của cụ C, trái với trình tự thủ tục kê khai đăng ký chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ năm nay bà 87 tuổi (lớn tuổi nhất) phải đóng án phí 4.522.000đ được chấp nhận. Bởi vì, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà thuộc diện được miễn nộp án phí dân sự. Hiện nay bà Đ là người cao tuổi đã già yếu 88 tuổi, không còn khả năng lao động nên có cơ sở để miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Qua những phân tích nêu trên đã cho thấy những kết luận trong bản án sơ thẩm về phần nội dung của vụ án là hoàn toàn phù hợp với những quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm bà H, bà Đ cũng không đưa ra được các chứng cứ và lý lẽ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Lý do kháng cáo của bà H, bà Đ về phần nội dung vụ án là không có căn cứ. Vì vậy yêu cầu kháng cáo của bà H không được chấp nhận cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Đối với kháng cáo của bà Đ về án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận nên cần phải sửa án về phần án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đ để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bà là phù hợp.

[11] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Đỗ Thị Mai H, bà Nguyễn Thị Đ không được chấp nhận nên bà H, bà Đ phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng hiện nay bà H, bà Đ là người cao tuổi, bà H đã có đơn xin miễn án phí, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà H,

bà Đ được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền bà Đ đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm sẽ được hoàn trả lại.

[12] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị Mai H, bà Nguyễn Thị Đ về phần nội dung của vụ án. Sửa bản án sơ thẩm về phần án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Đ.

Căn cứ khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 148; Điều 184; Điều 185 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 649; Điều 653; Điều 655; Điều 656; Điều 658 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 663; Điều 668; Điều 667; Điều 674; Điều 675; Điều 676; Điều 684; Điều 685 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 611; Điều 612; Điều 613; Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 660; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Giữ nguyên Quyết định bản án sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 19-8-2022 của Tòa án nhân dân huyện Nam T, tỉnh Nam Định về phần nội dung vụ án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí sơ thẩm cho bà Đỗ Thị Mai H, ông Đỗ Minh L và bà Nguyễn Thị Đ.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí phúc thẩm cho bà Đỗ Thị Mai H và bà Nguyễn Thị Đ. Hoàn trả lại số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0004730 ngày 16-9-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam T, tỉnh Nam Định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự nguyên đơn, người có quyền lợi liên quan, người phải thi hành án dân sự bị đơn có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Nam T;
- TAND huyện Nam T;
- Chi cục THADS huyện Nam T;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lại Văn Tùng